

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh và hợp nhất các Quyết định về mức chi
phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật và một số dịch vụ, kỹ thuật**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN Y HỌC BIỂN

Căn cứ Quyết định số 930/2001/QĐ-BYT ngày 27/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Viện Y học biển trực thuộc Bộ Y tế; Quyết định số 1766/QĐ-YHB ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Y học biển;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-YHB ngày 14/9/2022 của Viện Y học biển về việc điều chỉnh và hợp nhất các Quyết định về mức chi phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật và một số dịch vụ, kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-YHB ngày 7/10/2022, Quyết định số 615/QĐ-YHB ngày 27/10/2023, Quyết định số 351/QĐ-YHB ngày 25/7/2023, Quyết định số 321/QĐ-YHB ngày 22/5/2023 của Viện Y học biển về việc bổ sung danh mục dịch vụ, kỹ thuật được hưởng phụ cấp;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Tập thể lãnh đạo Viện Y học biển ngày 09/9/2024 v/v điều chỉnh mức chi phụ cấp PTTT và một số dịch vụ, kỹ thuật của Viện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các Phụ lục qui định danh mục và chế độ phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật và một số dịch vụ, kỹ thuật tại Viện Y học biển, bao gồm:

- Phụ lục 01: Quy định danh mục phẫu thuật, thủ thuật và dịch vụ, kỹ thuật được hưởng phụ cấp.

- Phụ lục 02: Quy định chế độ chi phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật và dịch vụ, kỹ thuật.

- Phụ lục 03: Quy định chế độ đối với Bác sỹ được mời tham gia phẫu thuật.

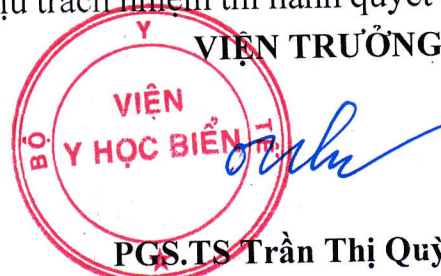
Điều 2. Thời gian thực hiện kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho các Quyết định trước đây có liên quan.

Các ông (bà) Trưởng phòng: TCCB-HC, TCKT, KHTH-CĐT và các khoa, phòng, trung tâm và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



PHỤ LỤC 01

Danh mục phẫu thuật, thủ thuật và dịch vụ, kỹ thuật được hưởng phụ cấp

Ban hành kèm theo Quyết định số 785/QĐ-YHB ngày 30/9/2024 của Viện trưởng Viện Y học biển

| STT | Tên thủ thuật |
|---|--|
| I. Ngoại-Gây mê-Chấn thương chỉnh hình | |
| 1 | Khâu vết thương |
| 2 | Chích rạch/dẫn lưu áp xe |
| 3 | Bóc tách/cắt bỏ u nhú, u nhỏ, mắt cá |
| 4 | Nấn bó bột (bột liền) |
| 5 | Nấn bó bột (bột tự cán) |
| 6 | Chọc dò, chọc tháo, chọc hút dịch, máu hoặc khí |
| 7 | Cắt lọc tổ chức/vết thương hoại tử |
| 8 | Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất |
| 9 | Thay/rút sonde dẫn lưu thận, bàng quang |
| 10 | Lấy mẫu làm sinh thiết |
| 11 | Nong niệu đạo/đặt ống thông bàng quang |
| 12 | Thủ thuật loại I, II, III (mã thu phí dịch vụ) |
| 13 | Gây mê để làm nội soi/thủ thuật (ngoài chi phí thủ thuật) |
| 14 | Giảm đau sau mổ các phương pháp (ngoài chi phí phẫu thuật) |
| II. Hồi sức cấp cứu- Chống độc | |
| 1 | Cấp cứu ngừng tuần hoàn/hô hấp |
| 2 | Mở khí quản |
| 3 | Đặt nội khí quản/rút ống nội khí quản/ thay ống nội khí quản |
| 4 | Đặt Catheter |
| 5 | Rửa dạ dày |
| 6 | Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu (có kết quả) |
| 7 | Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (HDF - Online) |
| 8 | Thận nhân tạo thường qui |
| 9 | Thận nhân tạo cấp cứu |
| 10 | Chọc dò tủy sống để chẩn đoán và điều trị |
| 11 | Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) |
| 12 | Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD) |
| 13 | Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh: sốc nhiễm khuẩn, suy đa tạng, viêm tụy cấp, suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng, ARDS |
| 14 | Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) |
| 15 | Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh: sốc nhiễm khuẩn, suy đa tạng, viêm tụy cấp |
| 16 | Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích |
| 17 | Lọc máu hấp phụ bằng quả lọc Resin |



| | |
|---|---|
| 18 | Lọc máu hấp phụ với than hoạt trong ngộ độc cấp |
| 19 | Thay huyết tương sử dụng huyết tương |
| 20 | Thay huyết tương sử dụng Albumin |
| 21 | Thay huyết tương trong: hội chứng Guillain- Barre, nhược cơ, Lupus ban đỏ rải rác, hội chứng xuất huyết giảm tiểu cầu tắc mạch, suy gan cấp |
| 22 | Mở màng phổi tối thiểu bằng Troca |
| 23 | Rút canuyn khí quản |
| 24 | Thay canuyn mở khí quản |
| 25 | Chọc dò dịch màng phổi |
| 26 | Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm |
| 27 | Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị |
| 28 | Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 29 | Siêu âm can thiệp- Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe (chưa bao gồm ống thông) |
| 30 | Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ |
| 31 | Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ |
| 32 | Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu |
| 33 | Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da |
| 34 | Thông khí nhân tạo xâm nhập |
| 35 | Thông khí nhân tạo không xâm nhập |
| 36 | Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục /24h |
| III. Thăm dò chức năng- Chẩn đoán hình ảnh | |
| 1 | Siêu âm Doppler (mạch máu, tim, thai), |
| 2 | Siêu âm đầu dò âm đạo |
| 3 | Đo chức năng hô hấp |
| 4 | Nghiệm pháp Atropin |
| 5 | Holter điện tim |
| 6 | Điện tâm đồ gắng sức |
| 7 | Nội soi dạ dày có hoặc không có sinh thiết |
| 8 | Nội soi đại tràng có hoặc không sinh thiết |
| 9 | Nội soi trực tràng có hoặc không sinh thiết |
| 10 | Tán sỏi ngoài cơ thể |
| 11 | Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV) |
| 12 | Chụp CT có tiêm thuốc cản quang |
| 13 | Chụp Xquang tại giường |
| 14 | Test tìm vi khuẩn HP |
| 15 | Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu |
| 16 | X quang tại giường |
| IV. Xét nghiệm | |
| 1 | Xét nghiệm tiêu bạch cầu với thuốc |
| 2 | Chọc hút kim nhỏ các khối u khối viêm dưới da |
| 3 | XN và chẩn đoán mô bệnh học bằng PP nhuộm Hematoxylin |
| V. Tai - Mũi - Họng | |
| 1 | Nội soi tai mũi họng (ống mềm hoặc ống cứng) |

| | |
|------------------------------|--|
| 2 | Nạo VA |
| 3 | Lấy dị vật |
| 4 | Cắt, đốt, điều trị bằng laser |
| 5 | Điều trị cuộn mũi |
| VI. Mắt | |
| 1 | Bơm rửa/thông lệ đạo |
| 2 | Chích chấp, lẹo, áp xe |
| 3 | Đánh, nặn tuyến bờ mi |
| 4 | Đốt/nhỏ lông siêu |
| 5 | Rửa cùng đồ |
| 6 | Lấy calci/dị vật kết mạc, giác mạc |
| 7 | Soi đáy mắt, soi góc tiền phòng |
| 8 | Cắt chỉ khâu giác mạc |
| 9 | Cắt kính |
| VII. Răng - Hàm - Mặt | |
| 1 | Điều trị tủy răng |
| 2 | Điều trị sâu ngà răng |
| 3 | Nhỏ răng |
| 4 | Phục hồi cổ răng |
| 5 | Răng/hàm giả |
| 6 | Cắt cầu răng, cố định răng, cấy răng |
| 7 | Lấy cao răng |
| VIII. Sản khoa | |
| 1 | Đỡ đẻ |
| 2 | Hút thai/phá thai/nạo buồng tử cung |
| 3 | Kiểm soát tử cung |
| 4 | Đốt cổ tử cung bằng laser |
| 5 | Đặt dụng cụ tử cung |
| 6 | Tháo dụng cụ tử cung |
| 7 | Cắt/xoắn polyp |
| 8 | Lấy dị vật |
| 9 | Forceps |
| 10 | Điều trị vết thương bằng Plasma lạnh |
| 11 | Điều trị bằng Laser CO2 |
| 12 | Cây que tránh thai |
| 13 | Giảm đau phục hồi tầng sinh môn |
| 14 | Massage vú (Gội sữa về và thông tắc tia sữa) (30 phút/1 lần) |
| 15 | Massage cho trẻ sơ sinh |
| 16 | Soi cổ tử cung |
| 17 | Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần hoặc Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần |
| 18 | Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng |

| | |
|----|--|
| 19 | Chọn giờ mổ |
| 20 | Phẫu thuật theo yêu cầu loại 1 (chưa tính vật tư thay thế, tiêu hao đặc biệt nếu có) |
| 21 | Phẫu thuật theo yêu cầu loại 1 (chưa tính vật tư thay thế, tiêu hao đặc biệt nếu có) |
| 22 | Phẫu thuật phức tạp (chưa tính vật tư thay thế, tiêu hao đặc biệt nếu có) |
| 23 | Chọn bác sĩ phẫu thuật |

IX. Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền

| | |
|----|---|
| 1 | Các kỹ thuật kéo nắn, xoa bóp, tập vận động vùng hoặc toàn thân |
| 2 | Điều trị bằng điện phân, điện xung |
| 3 | Chườm ngải |
| 4 | Điện châm |
| 5 | Xoa bóp bấm huyệt |
| 6 | Điều trị bằng siêu âm |
| 7 | Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống |
| 8 | Thủy châm |
| 9 | Chích lẻ (châm kim ngắn) |
| 10 | Cứu |
| 11 | Cấy chỉ |
| 12 | Giác hơi |
| 13 | Điều trị bằng từ trường |
| 14 | Điều trị bằng sóng xung kích |
| 15 | Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực |

X. Nội khoa

| | |
|---|---|
| 1 | Tiêm khớp |
| 2 | Tiêm gân |
| 3 | Tiêm điểm bám gân (mỏm trâm/ lồi cầu/ quanh khớp gối) |

XI. Danh mục khác ngoài thủ thuật

| | |
|---|---|
| 1 | Cho thuê giường gấp |
| 2 | Tắm nóng lạnh |
| 3 | Tiền phòng khách |
| 4 | Sao, Cấp lại giấy chứng sinh, giấy ra viện, giấy nghỉ hưởng BHXH, tóm tắt hồ sơ bệnh án.... theo qui định |

XII. Danh mục PTTT và dịch vụ, kỹ thuật khác

| | |
|---|--|
| 1 | Soi mao mạch |
| 2 | Điều trị bằng oxy cao áp |
| 3 | Một số kỹ thuật đo môi trường, phân tích mẫu |
| | |

PHỤ LỤC 02

CHẾ ĐỘ CHI PHỤ CẤP PHẪU THUẬT THỦ THUẬT VÀ DỊCH VỤ, KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 785/QĐ-YHB ngày 30/9/2024
của Viện trưởng Viện Y học biển)

| STT | Nội dung | Cách tính |
|-----|---|---|
| 1 | Phẫu thuật Ngoại khoa (do các BS của Viện tự thực hiện) | $(\text{Tổng thu} - \text{VTTH thực tế}) \times 10\%$ |
| 2 | Phẫu thuật Ngoại khoa (mời bác sỹ ngoại viện) | $(\text{Tổng thu} - \text{VTTH thực tế, trừ tiền mời BS}) \times 7\%$ |
| 3 | Chọn giờ mổ | $\text{Tổng thu} \times 50\%$ |
| 4 | Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 5 | Gây mê nội soi dạ dày + đại tràng + gây mê làm thủ thuật | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 6 | Thủ thuật khoa Cấp cứu + Hồi sức | $[(\text{Tổng thu} - \text{Vật tư thay thế} - \text{VTTH (7\% tổng thu)})] \times 7\%$ |
| 7 | Thận nhân tạo + Lọc máu + Thay huyết tương | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (60\% tổng thu)}] \times 5\%$ |
| 8 | Nội soi, SA đầu dò, SA doppler mạch+tim+thai, CNHH, NPGS ĐTĐ, NP Atropin, XQ-SA tại giường, Cắt Polyp | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 9 | Đo CNHH KSK; SA tim KSK; SÂ ĐDAĐ; Soi mao mạch | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 10 | Tán sỏi ngoài cơ thể | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (18\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 11 | Test HP | Số ca thực hiện $\times 5000đ/\text{ca}$ |
| 12 | Chụp UIV | $(\text{Tổng thu} - \text{tiền film, thuốc cản quang}) \times 7\%$ |
| 13 | Chụp CT-Scanner có cản quang | $[\text{Tổng thu} - (\text{tiền lương BS mời/1 ca} + \text{tiền film}) \times \text{số ca}] \times 7\%$ |
| 14 | Thủ thuật TMH | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 15 | Thủ thuật RHM | $[\text{Tổng thu} - \text{tiền gửi Labo} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 16 | Thủ thuật phòng mắt | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 17 | Phụ cấp cắt kính | $(\text{Tổng thu} - \text{VTTH thực tế}) \times 7\%$ |
| 18 | Thủ thuật phòng đông y | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 19 | Thủ thuật PHCN | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 7\%$ |
| 20 | Điều trị oxy cao áp | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (10\% tổng thu)}] \times 3\%$ |
| 21 | Phụ thu ĐT oxy cao áp ngoài giờ | $\text{Tổng thu} \times 50\%$ |
| 22 | (TBC với thuốc + thủ thuật) | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH (5\% tổng thu)}] \times 10\%$ |

| | | |
|----|---|---|
| 23 | XN và chẩn đoán mô bệnh học bằng PP nhuộm Hematoxylin | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH} (10\% \text{ tổng thu})] \times 7\%$ |
| 24 | Thủ thuật của khoa Sản- Nhi | $[\text{Tổng thu} - \text{que cấy TT} - \text{VTTH} (10\% \text{ tổng thu})] \times 7\%$ |
| 25 | Phẫu thuật theo yêu cầu + Phẫu thuật phức tạp | Tổng thu x 50% |
| 26 | Chọn BS phẫu thuật | Tổng thu x 50% |
| 27 | Điều trị vết thương bằng Plasma lạnh; đốt laser CTC | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH} (10\% \text{ tổng thu})] \times 10\%$ |
| 28 | Điều trị thoái hóa khớp gối bằng huyết tương giàu tiểu cầu | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH}] \times 7\%$ |
| 29 | Tiêm gân/điêm bám gân, tiêm khớp | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH} (5\% \text{ tổng thu})] \times 7\%$ |
| 30 | Holter điện tim | $[\text{Tổng thu} - \text{VTTH} (10\% \text{ tổng thu})] \times 5\%$ |
| 31 | Thủ thuật ngoại khoa | $[(\text{Tổng thu} - \text{Vật tư thay thế} - \text{VTTH} (10\% \text{ tổng thu}))] \times 7\%$ |
| 32 | KT đo môi trường, PT mẫu | $(\text{Tổng thu} - \text{tiêu hao thực tế}) \times 2\%$ |
| 33 | Tiền phòng khách | Tổng thu x 5% |
| 34 | Thuê giường gấp | Số ngày x 5000đ/giường/ngày |
| 35 | Các gói KSK và các DVYT cho thuyền viên | Tổng thu x 0,25% |
| 36 | Sao, cấp lại GCS, GRV,GNHBHXH, tóm tắt HSBA | Tổng thu x 10% |
| 37 | Chi 3% tổng số tiền PC PTTT và DVKT cho các khoa còn lại theo hệ số như sau: | |
| | <i>Khoa Nội tổng hợp 1</i> | <i>Hệ số 0,3</i> |
| | <i>Khoa Nội tổng hợp 2</i> | <i>Hệ số 0,3</i> |
| | <i>Khoa điều trị theo yêu cầu</i> | <i>Hệ số 0,3</i> |
| | <i>Khoa KSNK</i> | <i>Hệ số 0,1</i> |

PHỤ LỤC 03

(Kèm theo Quyết định số 785/QĐ-YHB ngày 30/9/2024 của Viện Y học biển)

Quy định chế độ đối với Bác sỹ được mời tham gia phẫu thuật

1. Định mức chi trả tiền công phẫu thuật cho các Bác sỹ được Viện Y học biển mời đến phẫu thuật cho bệnh nhân: 30% tiền phẫu thuật.
2. Bác sỹ từ cơ sở khám chữa bệnh khác đưa bệnh nhân đến phẫu thuật tại Viện đồng thời là phẫu thuật viên chính được chi trả 40% tiền phẫu thuật.
3. Định mức chi trả cho Bác sỹ phẫu thuật các ca phức tạp: 1.900.000 đ/ca.
4. Các trường hợp đặc biệt khác: Viện trưởng sẽ quyết định mức chi cụ thể.

